

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 05-3-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Ông Võ Văn Bằng.

- **Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước:** Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, Tiền Giang.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** ông Phan Văn D, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Minh T1, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- Anh Trần Thanh T2, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, nội dung biên bản hòa giải, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày:*

Từ tháng 10/2017 chị N có cho chị T (chị chồng chị N) mượn tiền nhiều lần, tổng cộng với số tiền là 1.685.000.000 đồng, chị T có viết biên nhận mượn tiền, chị T nói mượn tiền để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình chị. Đến nay chị N cần tiền, chị N có liên hệ với chị T để đòi số tiền trên thì chị T hứa hẹn, cam kết đến ngày 01/8/2023 sẽ trả đủ cho chị N. Việc mượn tiền thì chỉ có chị T mượn và viết biên nhận, nhưng anh T1 chồng chị T cũng biết, có lần anh T1 nói để anh và chị T trả cho chị N, nhưng đến nay chị T, anh T1 vẫn chưa trả số tiền 1.685.000.000 đồng cho chị N. Chị T có trả được số tiền 140.000.000 đồng. Nay chị N yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Minh T1 phải liên đới trả cho chị N số tiền 1.545.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn chị Trần Thị Thanh T theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải trình bày:*

Từ năm 2017 đến năm 2022, chị có nhờ chị N chơi hụi dùm, những lần chơi hụi, chị không có đủ tiền để đóng tiền hụi, nên chị N nói: chị N sẽ vay tiền lãi suất cao bên ngoài để choàng tiền hụi dùm chị. Là chỗ chị em trong gia đình, chị hoàn toàn tin tưởng em dâu của mình, nên không yêu cầu liệt kê nợ.

Về giấy nợ viết trên giấy tập nợ tính từ ngày 10/10/2017 đến 10/10/2022, chị không biết chị N tính như thế nào mà số tiền nợ hụi lên đến 1.685.000.000 đồng, do em trai chị Trần Thanh T2 (chồng chị N) buộc chị phải nhận, nên chị ký nhận nợ trên thực tế chị chỉ nợ chị N tiền nợ hụi và tiền lãi suất khoảng 700.000.000 đồng;

Vừa qua, khoảng năm 2022 cha ruột của chị ông Trần Văn T3, sinh năm 1950. Cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang, có hứa cho tôi 1 nền nhà 5m chiều ngang, chị có giao cho vợ chồng chị N là ông T2 bán với giá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để cân trừ bớt số nợ chị đã nợ. Đến nay vẫn chưa bán được. Trước thời điểm này, chị có trả cho chị N 90.000.000 đồng và giao tiền đặt cọc đất 50.000.000 đồng. Tổng cộng trả được 140.000.000 đồng.

Chị T thống nhất còn nợ chị N số tiền 1.545.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng chị.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh T1 trình bày:*

Anh và chị T là vợ chồng, từ năm 2007 anh và chị T đã sống ly thân đến năm 2022 thì anh và chị T đã ly hôn theo Quyết định số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước và trong Quyết định có ghi nhận về phần tài sản chung là không có, anh và chị T đã sống tài chính độc lập không liên quan với nhau. Anh có nghe anh T2 là chồng chị N điện thoại nói lại với anh là chị T có nợ chị N số tiền là 700.000.000 đồng, anh có nói anh T2 đây là số tiền nợ của chị T anh không biết và anh cũng có nghe chị T nói lại là chị N, anh T2 ép chị T ký vào biên nhận mượn tiền 1.685.000.000 đồng. Nay chị N yêu cầu anh và chị T liên đới trả số tiền 1.685.000.000 đồng anh không đồng ý, vì đây là khoản nợ riêng của chị T, anh không biết số tiền nợ này.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T2 trình bày:*

Trước đây vợ anh là chị Lê Thị Ngọc N có cho chị T là chị ruột của anh có hỏi anh và vợ anh để mượn tiền từ tháng 10/2017, vợ anh đồng ý cho chị T mượn tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 1.685.000.000 đồng, chị T có làm biên nhận nợ, theo chị T nói là mượn tiền để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đến nay cần tiền để chi trong gia đình, vợ chồng anh liên hệ với chị T để thu hồi lại toàn bộ số tiền trên, nhưng chị T hẹn hết lần này đến lần khác, chưa trả lại cho anh. Nay vợ anh là chị N khởi kiện yêu cầu chị T và anh T1 liên đới trả số tiền 1.685.000.000 đồng, anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị N, anh không bổ sung ý kiến gì thêm. Do trước đây chị T có trả cho vợ chồng anh số tiền 90.000.000 đồng và có nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc. Nay anh đồng ý với yêu cầu chị N.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn D yêu cầu chị T, anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền 1.545.000.000 đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Trần Thị Thanh T thừa nhận có nợ số tiền trên. Chị T thay đổi lời khai so với biên bản hòa giải ngày ngày 26/01/2024. Chị xác định đây là khoản nợ riêng của chị. Chị T xin trả dần 3.000.000đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 1.545.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh T1 không đồng ý liên đới cùng với chị T trả cho chị N số tiền 1.545.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T2 thống nhất với yêu cầu của chị N, không thống nhất với lời trình bày của chị T, anh T1.

Anh để chị N khởi kiện nhận tiền, anh không có khiếu nại gì. Nếu có tranh chấp với chị N thì anh T2 khởi kiện bằng vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, cần xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 10/10/2017 chị N có cho chị T vay số tiền 1.685.000.000 đồng, chị T có ký biên nhận mượn tiền và có ký cam kết đến 01/8/2023 sẽ trả cho chị N số tiền 1.685.000.000 đồng. Chị T đã trả được 140.000.000 đồng, còn nợ lại 1.545.000.000 đồng. Chị N yêu cầu chị T và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên. Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh T2 thống nhất thỏa thuận với nhau, anh T2 để chị N nhận tiền của chị T anh T1, nếu được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Anh T2 không khiếu nại, nếu có tranh chấp thì khởi kiện yêu cầu khác.

[2.2] Chị T thừa nhận có ký biên nhận mượn tiền ngày 10/10/2017 cho chị N với số tiền 1.685.000.000 đồng và có ký cam kết đến 01/8/2023 sẽ trả cho chị N số tiền 1.685.000.000 đồng. Chị T trình bày có trả cho chị N số tiền là 90.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền cọc bán đất, tổng cộng số tiền là 140.000.000 đồng, nên chị T còn nợ chị N là 1.545.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T đồng ý trả cho chị N số tiền 1.545.000.000 đồng, nhưng xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Việc xin trả dần của chị T không được phía chị N đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị xin trả dần của chị T.

[2.3] Chị N yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo “Giấy xác nhận – Cam kết trả nợ” ngày 01/5/2022 thể hiện chị T mượn tiền xoay sở làm ăn kinh tế gia đình + cất nhà tại ấp Mỹ Phú, xã Phước Lập, huyện Tân Phước. Chị T cũng thừa nhận chữ ký và nội dung trong “Giấy xác nhận – cam kết trả nợ” là của chị. Chị cho rằng, bị anh T2 ép buộc chị nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và chị cũng không có phản đối tố cáo gì về việc ép buộc cho đến khi chị N khởi kiện. Anh T1 khai không biết chị T mượn nợ, không đồng ý liên đới trả nợ, vì anh và chị T ly thân từ năm 2007 cho đến khi ly hôn ngày 16/8/2022. Tuy nhiên, anh T thừa nhận khoảng

năm 2016, 2017 vợ chồng có tu bổ, sửa chữa nhà hoàn chỉnh hơn để làm đám cưới cho con gái. Đồng thời, anh T1 cũng đã được anh T2 (chồng của chị N) báo chị T có nợ 700.000.000 và kêu anh về giải quyết. Sau khi anh T2 báo số nợ cho anh T1 thì anh T1 cũng đã tự nguyện bán đất trả một phần nợ của chị T cho chị N. Như vậy, việc chị T mượn tiền là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt gia đình và anh T1 biết nhưng không có ý kiến phản hồi gì, nên xác định số tiền 700.000.000 đồng là nợ của chung vợ chồng anh T1, chị T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Anh T1 không thừa nhận nợ chung, nhưng không có chứng cứ gì khác chứng minh toàn bộ số nợ 1.545.000.000 đồng là nợ riêng của chị T. Phía chị N, anh T2, chị T xác định là nợ chung, nhưng chỉ cung cấp “Giấy xác nhận nợ – cam kết trả nợ” ngày 01/5/2022 với số tiền 1.685.000 đồng và chỉ có chị T ký nhận, không có chữ ký của anh T1. Ngoài ra, phía chị N không có chứng cứ nào khác chứng minh toàn bộ nợ trên là nợ chung của chị T, anh T1. Phía anh T1 cũng không thừa nhận, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của chị N, anh T2. Do đó, số tiền nợ phát sinh ngoài 700.000.000 đồng nêu trên là nợ riêng của chị T, nên chị T có nghĩa vụ trả cho chị N.

Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Buộc chị T, anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền là 700.000.000 đồng; Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 845.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét về lãi suất: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T, anh T1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc N.

1. Buộc chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Minh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Ngọc N số tiền là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 845.000.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

## 2. Về án phí:

- Chị T, anh T1 phải liên đới chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị T phải chịu 37.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 31.275.000 đồng theo biên lai thu số 0003085 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

## 4. Quyền kháng cáo:

Chị N, chị T, anh T1, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Toàn**